

Bản án số: 26/2023/HS-ST
Ngày 04 -5- 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nhữ Văn Vinh và ông Vũ Đình Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Dung và ông Phạm Văn Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T, sinh năm 1993 tại xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D và bà Hoàng Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 11/01/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B.

Có mặt.

2. Phạm Ngọc K, sinh năm 1993 tại xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương; HKTT: Tổ D, khu E, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc K1 và bà Đỗ Thị N1; có vợ và 2 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 78 ngày 10/4/2018, TAND quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Khỏi chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 02/10/2019.

Bị tạm giữ từ ngày 05/01/2023 đến ngày 11/01/2023 chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

Có mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Dương Công P, sinh năm 2004.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 12/2022, Lê Văn T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 đăng nhập tài khoản qua ứng dụng Telegram (T không nhớ tên tài khoản và mật khẩu) đặt mua của người không quen biết (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ và tên tài khoản Telegram) 1 túi ma túy loại cần sa với giá 1.200.000 đồng. Sau đó T được người đàn ông (là nhân viên Shipper, không xác định được nhân thân, lai lịch) đến giao cho T túi ma túy, Thái trả cho người Shipper 1.200.000 đồng như đã thỏa thuận. Sau khi mua được ma túy, T nghiền nhỏ vụn các mảnh thực vật khô (dạng thân, cành, hoa, lá) và chia nhỏ vào 7 túi nilon kích thước (4 x 7)cm cất giấu trong tủ quần áo ở phòng ngủ, mục đích để bán cho người khác kiếm lời.

Khoảng 17 giờ ngày 05/01/2023, đối tượng tự khai là Trần Thị Thu P1, sinh năm 1999, tại Tổ dân phố P, phường P, thị xã M, tỉnh Hưng Yên là bạn quen biết xã hội với anh Dương Công P, sinh năm 2004, trú tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương nhờ anh P chở đến nhà Phạm Ngọc K chơi. Trong lúc ngồi chơi, P1 hỏi K có ma túy không bán cho P1 2 túi ma túy loại cần sa, K đồng ý và nói giá 300.000 đồng/gói (anh P không biết P1 hỏi mua ma túy của K). Khải bảo P1 đưa tiền trước và hẹn đến 19 giờ cùng ngày đến lấy ma túy, P1 đồng ý đưa cho K 600.000 đồng rồi đi chơi lang thang cùng với anh P trên địa bàn huyện đợi đến tối lấy ma túy.

Sau khi nhận tiền từ P1, K đi bộ từ nhà ra đường trục thôn rồi đi nhờ xe người đàn ông không quen biết đến nhà Lê Văn T mua ma túy loại cần sa về bán lại cho P1. K gặp và hỏi T có ma túy bán không, T trả lời “có” và nói giá 300.000 đồng/túi. K đồng ý mua của T 2 túi ma túy rồi trả cho Thái 590.000 đồng, sau đó K cất giấu trong người rồi đi nhờ xe của người đi đường về nhà. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, P1 lại nhờ anh P chở đến nhà K (P1 không nói cho anh P biết việc đến nhà K để mua ma túy). Khi anh P đưa P1 đến cổng, K đưa cho P1 2 túi ma túy mà trước đó Khải đã mua của T, ngay lúc đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện phối hợp với Công an xã H phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ trên tay P1 2 túi nilon màu trắng đều có kích thước (4 x 7)cm, bên trong có chứa các mảnh cành, thân, hoa, lá thực vật khô, P1 và K khai nhận đó là ma túy loại cần sa do Khải mua của T về bán lại cho P1 sử dụng.

Ngày 06/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện triệu tập Lê Văn T đến làm việc, T giao nộp 5 túi nilon kích thước (4 x 7)cm có chứa các mảnh thực vật khô và khai nhận đó là ma túy loại cần sa cất giấu để bán kiếm lời.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Ngọc K và Lê Văn T, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được tài liệu, đồ vật gì.

Kết luận giám định số 84/KL-KTHS ngày 08/01/2023 của Phòng Kỹ thuật

hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Các mảnh thực vật khô (dạng thân, cành, hoa, lá) trong 2 túi nilon thu giữ của đối tượng Trần Thị Thu P1 gửi đến giám định tổng khối lượng là: 2,199g là ma túy, loại Cần sa. Hoàn lại đối tượng giám định 1,945g ma túy loại Cần sa, 2 vỏ túi nilon và 1 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật.

Kết luận giám định số 94/KL-KTHS ngày 10/01/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Các mảnh thực vật khô (dạng thân, cành, hoa, lá) trong 5 túi nilon thu giữ của Lê Văn T gửi đến giám định có tổng khối lượng là: 10,576g là ma túy, loại Cần sa. Hoàn lại đối tượng giám định 10,268g ma túy loại Cần sa, 5 vỏ túi nilon màu trắng và 1 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật.

Cần sa - STT 1, Mục ID, Danh mục I, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

Tại bản Cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 07 tháng 4 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang đã truy tố bị cáo Lê Văn T và bị cáo Phạm Ngọc K về tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự,

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T và Phạm Ngọc K phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T từ 2 năm 6 tháng đến 2 năm 9 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bị tạm giam.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo K từ 2 năm đến 2 năm 3 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bị tạm giữ.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự, P2 bổ sung bị cáo T 5.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước;

Không phạt bổ sung đối với bị cáo K.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46; điểm b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 590.000 đồng của T và 10.000 đồng của K.

Tịch thu tiêu hủy 12,213g ma túy loại Cần sa, 7 vỏ túi nilon, 2 vỏ phong bì.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án, lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy với nội dung, tình tiết sự việc như được nêu trên; nhất trí với Kết luận giám định, nội dung bản Cáo trạng và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị xem

xét giảm nhẹ hình phạt.

Người làm chứng khai tại giai đoạn điều tra: Chứng kiến sự việc người có tên P1 mua ma túy của Phạm Ngọc K thì bị bắt quả tang với tình tiết cụ thể sự việc như nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo T phù hợp với lời khai của bị cáo K, với vật chứng là ma túy thu giữ, với Kết luận giám định về ma túy; lời khai của bị cáo K cũng phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định về ma túy, nên có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 19 giờ ngày 05/01/2023, tại thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương, Lê Văn T có hành vi bán trái phép cho Phạm Ngọc K 2,199g ma túy loại Cần sa với giá 590.000 đồng. Sau đó K mang về nhà mình tại thôn A, xã H, huyện B bán lại cho đối tượng tự khai tên Trần Thị Thu P1 với giá 600.000 đồng, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B phối hợp với Công an xã H phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Ngoài ra Lê Văn T còn cất giấu trái phép tại tủ quần áo của mình 10,576g ma túy loại Cần sa mục đích để bán lại cho người khác kiếm lời.

Hành vi của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hậu quả nguy hiểm cho xã hội của hành vi nhưng vẫn thực hiện là có lỗi cố ý. Do vậy, các bị cáo đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố các bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Bị cáo T có nhân thân tốt; bị cáo K đã từng phạm tội nhưng đã được xóa án tích; các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Khi làm việc với cơ quan điều tra về hành vi bán trái phép ma túy cho K, T tự nguyện khai ra hành vi cất giấu trái phép 05 túi nilon chứa ma túy ở nhà với mục đích để bán, là hành vi tự thú. Do đó, T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

[4]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với mỗi bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần áp

dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, buộc chấp hành hình phạt ở cơ sở giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cần phạt tiền bổ sung bị cáo T. Đối với bị cáo K, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thấp hơn T, số tiền hưởng lợi ít, nên không phạt tiền bổ sung.

[5]. Về vật chứng: 12,213g ma túy loại Cần sa, 7 vỏ túi nilon, 2 vỏ phong bì là mẫu vật hoàn lại sau giám định là vật cấm mua bán, vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

Số tiền 590.000 đồng và 10.000 đồng, T và K đã chi tiêu cá nhân hết, là tiền do phạm tội mà có, cần truy thu nộp ngân sách nhà nước.

Điện thoại OPPO F9 T đã làm mất, không thu giữ được nên không xem xét, xử lý.

[6]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về đối tượng khai tên P1, quá trình điều tra đã bỏ trốn, cơ quan điều tra tiến hành rà soát theo địa chỉ đối tượng khai báo, nhưng không xác định được là ai; anh Dương Công P không biết việc K bán ma túy cho đối tượng tự khai tên P1, nên không có cơ sở để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T và bị cáo Phạm Ngọc K phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 5 Điều 251; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 2 và khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn T.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với Phạm Ngọc K.

Căn cứ vào các điểm b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án, lệ phí Tòa án.

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Lê Văn T 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù, tính từ ngày bị tạm giam 11/01/2023;

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc K 02 (hai) năm tù, tính từ ngày bị tạm giữ 05/01/2023.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Văn T 5.000.000 (năm triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 12,213g ma túy loại Cần sa, 7 vỏ túi nilon, 2 vỏ phong bì đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang,

tỉnh Hải Dương theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/4/2023 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B.

Truy thu của bị cáo T số tiền 590.000 đồng, truy thu của bị cáo K 10.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo T và K phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Bình Giang
- Cơ quan CSĐT CA huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan THAHS CA huyện Bình Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Nhà tạm giữ CA huyện Bình Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bộ phận HSNV CA huyện Bình Giang;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cường